

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PÁC NẶM  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/8/2023  
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tiến Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Xuân Giai  
2. Ông Ma Văn Nhạc

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023. giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T - Sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn N - Sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 26/8/2014. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Pi, xã T, huyện B. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tôi không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng Ni chung trong cuộc sống. Từ năm 2021, anh N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ

tại thôn Bản Nà, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh N nữa do vậy chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

- **Về con chung:** Vợ chồng chị có một con chung tên Hoàng Bàn H, sinh ngày xx/xx/2015, con chung khỏe mạnh phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2023 và biên bản hòa giải ngày 06/7/2023 anh Hoàng Văn N trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh kết hôn với chị Bàn Thị T trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên theo ý kiến của tôi là vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khi ở rể nhà chị T, giữa anh và gia đình vợ có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021, nay anh xác định anh và chị T đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn quay lại. Chị T xin ly hôn anh nhất trí nhưng với điều kiện anh được nuôi con.

- **Về con chung:** Vợ chồng anh có một con chung tên Hoàng Bàn H, sinh ngày xx/xx/2015, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2023 cháu Hoàng Bàn H trình bày:*

Cháu có biết việc bố mẹ xin ly hôn ở Tòa án. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh B. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được tiếp tục sống cùng với mẹ để được chăm sóc tốt nhất.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho hai bên thống nhất với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng các bên không thể thống nhất được. Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu được trực tiếp nuôi con; anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không*

còn nhưng vẫn không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn khi anh được trực tiếp nuôi con.

*\* Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Bàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn N và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn anh Hoàng Văn N thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị T giao con cho anh trực tiếp nuôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T; giao con chung Hoàng Bàn H, sinh ngày xx/xx/2015, con chung khỏe mạnh phát triển bình thường cho chị Bàn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Bàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự và đã thực hiện các bước theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của chị Bàn Thị T thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời khai của chị T và anh N, xác định chị Bàn Thị T và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B vào ngày 26/8/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Sau phá t sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu

thuần, cãi vã, không tìm được tiếng Ni chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Việc anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

*2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Vợ chồng anh chị có một con chung tên Hoàng Bàn H, sinh ngày xx/xx/2015, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, cả chị T và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, con chung Hoàng Bàn H tự nguyện lựa chọn ở với mẹ là chị Bàn Thị T, vì vậy giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.3. Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

*2.4. Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được ghi nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Bàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị T đối với anh Hoàng Văn N. Chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Bàn H, sinh ngày xx/xx/2015, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000850 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Bàn Thị T và anh Hoàng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm  
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Thượng Giáo, Ba Bể (01b);
- UBND xã Nghiên Loan, Pác Nặm (01b)
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Phạm Tiến Đại**